TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KHOÁI CHÂU** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 165A/2019/QĐST-HNGĐ	*K, ngày 16 tháng 9 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN
THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 230/2019/TLST – HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019 về việc "Hôn nhân và gia đình", giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1986.

Quê quán: Xã X, huyện A, tỉnh Hưng Yên; HKTT và hiện trú tại: Thị tứ B, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1988.

Quê quán, hiện trú tại: Thôn Q, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên; HKTT: Thị tứ B, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Nguyễn Quốc N, sinh ngày 17/10/2008;

3.2. Cháu Nguyễn Thị Anh M, sinh ngày 02/6/2011.

Người giám hộ cho cháu N và cháu M là anh Nguyễn Tuấn D và chị Đỗ Thị H (bố, mẹ đẻ của các cháu).

Đều HKTT: Thị tứ B, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06/9/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Tuấn D và chị Đỗ Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn anh Nguyễn Tuấn D và bị đơn chị Đỗ Thị H đều nhất trí thuận tình ly hôn nhau.

2.2. Về con chung: Anh D và chị H đều khẳng định vợ chồng có 02 con chung, cháu lớn tên là Nguyễn Quốc N, sinh ngày 17/10/2008; cháu nhỏ là Nguyễn Thị Anh M, sinh ngày 02/6/2011. Hiện nay cả hai cháu đang sống cùng anh D. Khi ly hôn hai bên thống nhất: Giao cháu Nguyễn Quốc N cho anh D và giao cháu Nguyễn Thị Anh M cho chị H để anh, chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 06/9/2019 cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Anh D và chị H đều xác định ai nuôi cháu nào thì có trách nhiệm với cháu đó, không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn anh D và chị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác nông nghiệp và công sức đóng góp xây dựng của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Anh D và chị H đều khẳng định không yêu cầu Toà án đặt ra xem xét giải quyết trong vụ án này. Sau có tranh chấp, yêu cầu sẽ khởi kiện bằng vụ việc dân sự khác nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

2.4. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh D và chị H thống nhất để anh D nộp cả 150.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Được đối trừ số tiền 300.000đ dự phí mà anh D đã nộp theo biên lai thu số 0001384 ngày 19/8/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K nên anh D được trả lại 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã X và xã H;
- CCTHADS huyện KC;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

PHẠM VĂN HUẤN